

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **14** /2009/NĐ-CP

Hà Nội, ngày **13** tháng **02** năm 2009

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2005 về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;
Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 26 tháng 11 năm 2003;
Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 06 năm 2005;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;
Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1.

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04 tháng 05 năm 2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản (sau đây gọi tắt là Nghị định số 59/2005/NĐ-CP) như sau:

1. Điểm a khoản 1 Điều 5 được bổ sung như sau:

“a) Có Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá hoặc Giấy xác nhận đăng ký tàu cá theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.”

2. Điểm d khoản 1 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“d) Thuyền trưởng, máy trưởng đối với loại tàu cá theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải có văn bằng, chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng.”

3. Điểm b khoản 1 Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“b) Bản sao các loại giấy tờ sau đây:

- Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá hoặc Giấy xác nhận đăng ký tàu cá theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, đối với loại tàu cá theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Sổ Danh bạ thuyền viên, đối với loại tàu cá theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Văn bằng, chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng, đối với loại tàu cá theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn .”

4. Điểm b khoản 2 Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“b) Bản sao Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu cá.”

5. Khoản 3 Điều 6 được sửa đổi như sau:

“3. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép được quy định tại Điều 7 của Nghị định số 59/2005/NĐ-CP xét cấp giấy phép trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc và gia hạn giấy phép trong năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong trường hợp không cấp hoặc không gia hạn giấy phép thì phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.”

6. Bổ sung Điều 6a như sau:

“Điều 6a. Thủ tục và trình tự cấp lại giấy phép

1. Tổ chức, cá nhân được cấp lại giấy phép trong các trường hợp sau:

- a) Giấy phép bị mất;
- b) Giấy phép bị rách nát, hư hỏng.

2. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định;

b) Giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (trong trường hợp bị mất giấy phép) hoặc giấy phép rách nát, hư hỏng.

3. Cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy phép trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong trường hợp không cấp lại giấy phép thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

5. Thời hạn của giấy phép cấp lại như thời hạn của giấy phép đã cấp.

6. Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép phải nộp lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính.”

7. Khoản 3 Điều 7 được bổ sung như sau:

“3. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép đồng thời là cơ quan có thẩm quyền thu hồi, gia hạn, cấp lại giấy phép.”

8. Khoản 4 Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“4. Cơ sở sản xuất phải có ít nhất một kỹ thuật viên có bằng trung cấp trở lên về chuyên ngành khai thác hoặc cơ khí thủy sản; cơ sở kinh doanh phải có ít nhất một nhân viên kỹ thuật có chứng chỉ đã được tập huấn về chuyên ngành khai thác thủy sản hoặc cơ khí thủy sản.”

9. Khoản 5 Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“5. Về trình độ của nhân viên kỹ thuật:

a) Đối với cơ sở đóng mới, cải hoán tàu cá có tổng công suất máy chính dưới 50 sức ngựa phải có ít nhất một nhân viên kỹ thuật có chứng chỉ đã được tập huấn về quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật đóng mới, cải hoán tàu cá;

b) Đối với cơ sở đóng mới, cải hoán tàu cá có tổng công suất máy chính từ 50 sức ngựa trở lên phải có ít nhất một nhân viên kỹ thuật có bằng trung cấp chuyên ngành vỏ tàu và có ít nhất một nhân viên kỹ thuật có bằng trung cấp chuyên ngành máy tàu;

c) Trong quá trình đóng mới, cải hoán tàu cá có tổng công suất máy chính từ 250 sức ngựa trở lên, cơ sở đóng mới, cải hoán tàu cá phải có kỹ sư chuyên ngành máy tàu và vỏ tàu để giám sát kỹ thuật.”

10. Bổ sung điểm h, i vào khoản 1 Điều 11 như sau:

“h) Có biển hiệu, địa chỉ rõ ràng;

i) Phải đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng hàng hoá đã công bố; thực hiện ghi nhãn hàng hoá theo quy định của pháp luật.”

11. Bổ sung khoản 5 vào Điều 13 như sau:

“5. Phải đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng hàng hoá đã công bố; thực hiện ghi nhãn hàng hoá theo quy định của pháp luật.”

12. Sửa đổi khoản 5 Điều 14 như sau:

“Chỉ được kinh doanh các loại thức ăn nuôi thủy sản thuộc danh mục được phép lưu hành tại Việt Nam, đã được công bố tiêu chuẩn chất lượng, bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh thú y thủy sản; thực hiện ghi nhãn hàng hoá theo quy định của pháp luật”.

13. Điều 16 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 16. Sơ chế thủy sản, kinh doanh nguyên liệu thủy sản dùng cho chế biến thực phẩm.

Tổ chức, cá nhân sơ chế thủy sản, kinh doanh nguyên liệu thủy sản dùng cho chế biến thực phẩm phải có đủ các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về sơ chế thủy sản, kinh doanh nguyên liệu thủy sản do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp.

2. Có cửa hàng, biển hiệu, địa chỉ rõ ràng.

3. Nhà xưởng, kho chứa, phương tiện thu mua, bảo quản, vận chuyển thủy sản chuyên dùng phải bảo đảm các điều kiện về vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật

4. Chỉ được sử dụng các loại phụ gia thực phẩm, hoá chất trong danh mục được phép lưu hành tại Việt Nam và phải sử dụng đúng liều lượng, giới hạn theo quy định của pháp luật.

5. Cơ sở phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và vệ sinh thú y theo quy định của pháp luật.

6. Có ít nhất một nhân viên kỹ thuật có chứng chỉ đã được tập huấn về vệ sinh an toàn thực phẩm.”

14. Tên cơ quan “Bộ Thủy sản” trong Nghị định 59/2005/NĐ-CP được sửa thành “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn”.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 4 năm 2009./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCD TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UB TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ, Cục, các đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTN (4) Hưng. **290**

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Tấn Dũng